

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 582/2026/HC-PT
Ngày: 21 – 5 – 2026
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về
bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 306/2026/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 948/2025/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 525/2026/QĐPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phan Hữu T, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: E Tổ E, ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Sơn D, sinh năm 1996 (có mặt)

3. Bà Bùi Thị Diễm S, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: I T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện B.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số A, đường T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân xã B (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Trương Thị Minh T2 – Công tác: tại Phòng Kinh tế xã B (xin vắng mặt)

- Ông Đoàn Thái T3 – Công tác: tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã B (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phan Hữu T (do ông Nguyễn Sơn D đại diện theo ủy quyền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phan Hữu T trình bày:

Gia đình ông T có sử dụng phần diện tích đất 6.976,8m² thuộc thửa số 18, 19 tờ bản đồ số 12 (tài liệu 02/CT-UB), tương ứng thuộc thửa số 10, 11 tờ bản đồ số 77 (tài liệu BĐĐC) tọa lạc tại xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất này gia đình ông T quản lý, sử dụng từ năm 1991 đến nay. Đến ngày 08/5/2023, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B ban hành các quyết định sau:

- Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND huyện B về thu hồi đất do ông Phan Hữu T (nằm trong danh sách đất Nhà nước quản lý số thứ tự 8, Biểu 2A-Phụ lục, Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND thành phố H, ông Phan Văn K đã chết, hộ gia đình chưa lập thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế theo quy định, ông Phan Hữu T đại diện kê khai) để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND huyện B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Phan Hữu T (nằm trong danh sách đất Nhà nước quản lý số thứ tự 8, Biểu 2A-Phụ lục, Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND thành phố H, ông Phan Văn K đã chết, hộ gia đình chưa lập thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế theo quy định, ông Phan Hữu T đại diện kê khai) để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.

Kèm theo Quyết định 2644 là Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 191/PABT-HĐBT ngày 08/5/2023 của Hội đồng bồi thường.

Ông T nhận được 02 Quyết định này vào ngày 20 tháng 5 năm 2023. Theo các quyết định trên, nhà nước thu hồi của gia đình ông T phần đất diện tích 2575,7m², thuộc một phần thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02/CT-UB); tương ứng thuộc một phần thửa số 10, 11, tờ bản đồ 77 (theo tài liệu BĐĐC), thuộc Bộ địa chính xã L, huyện B nhưng không tính bồi thường về đất và không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề 2 nghiệp và tìm kiếm việc làm cho ông T là không đúng quy định của pháp luật.

Do không đồng ý với Quyết định 2644 nên ngày 28 tháng 6 năm 2023 ông T có làm đơn khiếu nại. Ngày 08/10/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 8612/QĐ- UBND với nội dung công nhận Quyết định 2644 và không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông T. Ông T nhận được Quyết định số 8612 vào ngày 11/10/2024.

Ông T cho rằng Quyết định 2644 ban hành để thu hồi phần đất diện tích 2575,7m², thuộc một phần thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02/CT-UB); tương ứng thuộc một phần thửa số 10, 11, tờ bản đồ 77 (theo tài liệu BĐĐC), thuộc Bộ địa chính xã L, huyện B nhưng không tính bồi thường về đất và không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho ông T là chưa đúng, chưa phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ từ những phân tích, cơ sở sau đây:

Thứ nhất, phần đất thu hồi được gia đình ông T quản lý, sử dụng canh tác ổn định từ năm 1991 đến nay, có đăng ký kê khai, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế, không có ai tranh chấp, phía cơ quan có thẩm quyền cũng không có bất kỳ ý kiến gì. Phần đất của gia đình ông T đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Thứ hai, phần đất của gia đình ông T bị thu hồi đủ điều kiện để bồi thường, hỗ trợ về đất bằng 100% giá đất nông nghiệp, nhưng UBND huyện B không tính bồi thường về đất và không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là chưa đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 75 Luật đất đai 2013, Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thời điểm nhận quản lý sử dụng đất thì phần đất của gia đình ông T quản lý sử dụng ổn định thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước năm 2004, phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách được phê duyệt đối với phần đất diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá 30.000m²/hộ.

Căn cứ pháp lý này cũng phù hợp với Điều 1 Chương VII của Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1) số 146/CSBT-HĐBT ngày 08/5/2023 của Hội đồng bồi thường - UBND huyện B.

Nhận thấy căn cứ từ những phân tích, cơ sở pháp lý nêu trên việc UBND huyện B ban hành Quyết định 2644 chưa đúng quy định của pháp luật, cho nên việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8612

để công nhận Quyết định 2644 cũng chưa phù hợp, chưa đúng với các quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/. Hủy toàn bộ Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND huyện B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Phan Hữu T (nằm trong danh sách Hủy toàn bộ Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND huyện B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Phan Hữu T (nằm trong danh sách đất Nhà nước quản lý số thứ tự 8, Biểu 2A-Phụ lục, Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND thành phố H, ông Phan Văn K đã chết, hộ gia đình chưa lập thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế theo quy định, ông Phan Hữu T đại diện kê khai) để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh).

2/. Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 8612/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Hữu T, địa chỉ: E, tổ E, ấp E, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu).

3/. Buộc UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ là ban hành Quyết định về việc tính bồi thường về đất và tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho ông Phan Hữu T đối với phần đất thu hồi diện tích 2575,7m², thuộc một phần thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02/CT-UB); tương ứng thuộc một phần thửa số 10, 11, tờ bản đồ 77 (theo tài liệu BĐĐC), thuộc Bộ địa chính xã L, huyện B nhưng theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến như sau:

1/. Đối với yêu cầu bồi thường phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án theo loại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khu vực 2, vị trí C đường T

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí theo Sổ hợp đồng 33/HĐĐĐ-BBT do Công ty TNHH MTV T4 lập ngày 30 tháng 12 năm 2022 có xác nhận của ông Phan Hữu T đã được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận thể hiện phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án có diện tích 2,575.7m² thuộc một phần thửa 10, 11, tờ bản đồ số 77, BĐĐC (tương ứng một phần thửa 18, 19, tờ bản đồ số 12, tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã B không tiếp giáp đường có tên trong bảng giá đất nằm ngoài ranh 400m tính từ mép đường T.

Theo Báo cáo số 1605/BC-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã L cũ xác định phần đất diện tích 6.824,3m² (trong đó có phần diện tích 2.575,7m² bị ảnh hưởng trong Dự án), như sau:

“Đăng ký qua các nền tài liệu: phần đất trên thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ duy nhất Khu B, tài liệu 299/TTg, Nông trường B có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất; tương ứng thửa 19, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT- UB, ông Phan Văn K có tên trong Sổ mục kê đất; tương ứng thửa số 10, tờ bản đồ số 77, tài liệu BĐĐC do Ủy ban nhân dân xã kê khai trong Sổ dã ngoại”.

Căn cứ Quyết định số 6545/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện B về duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã L, huyện B (cũ), nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất thuộc quy hoạch đường giao thông.

Nguồn gốc sử dụng đất của ông Phan Văn K là do nhận khoán của Nông trường B vào năm 1985 (không có giấy tờ). Ngày 30 tháng 11 năm 1991, Ủy ban nhân dân Thành phố H giao đất cho Nông trường Lê Minh X thuộc Sở Nông nghiệp Thành phố theo Quyết định số 887/QĐ- UB. Ngày 27 tháng 3 năm 1991, Nông trường Quốc Doanh L bàn giao một phần đất thuộc Nông trường Lê Minh X cho huyện B về xã L tiếp nhận quản lý tổ chức sản xuất, giải quyết đất sản xuất cho bà con nông dân và giải quyết những hộ bị trắng tay, hoặc không đủ đất để sản xuất (do yêu cầu giải quyết tranh chấp ruộng đất của huyện). Phạm vi bàn giao thuộc 2 tờ bản đồ số 4 và 5, tài liệu 299/TTg và toàn bộ đất quy hoạch thổ cư Nông trường Lê Minh X (bao gồm phần đất của ông K đang nhận khoán).

Như vậy, gia đình ông Phan Hữu T đã sử dụng phần đất diện tích 2.575,7m² có nguồn gốc nhận khoán của nông trường từ năm 1985 (không có giấy tờ) nhưng đến năm 1991 Ủy ban nhân dân Thành phố T bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện B quản lý; gia đình ông Phan Hữu T tiếp tục sử dụng nhưng không được cơ quan có thẩm quyền cho phép và đất thuộc quy hoạch đường giao thông.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: “Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất”.

Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (tương ứng Khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai năm 2024) quy định việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 đối với trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp thì thực hiện xử lý theo quy định như sau: “Trường hợp đang sử dụng diện tích đất lấn, chiếm thuộc quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thu hồi đất đã lấn, chiếm để giao đất cho chủ đầu tư khi triển khai xây dựng công trình đó.

Người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất nhưng phải giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định”.

Đồng thời, hiện nay vị trí khu đất thuộc danh sách đất Nhà nước quản lý số thứ tự 8, Biểu 2A-Phụ lục 7, Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, thuộc 72 trường hợp đang rà soát pháp lý, chủ thể sử dụng theo quy định.

Căn cứ điểm c khoản 2 phần VII Chương III Chính sách số 146/CSBT-HĐBT ngày 08/5/2023 của Hội đồng bồi thường Dự án, có Quy định hỗ trợ về đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất lấn, chiếm đối với đất nông nghiệp: “Nếu sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 100% giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố Q; diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không vượt quá 30.000m²/hộ; phần diện tích đất còn lại (nếu có) không tính hỗ trợ”.

Căn cứ quy định nêu trên, ông Phan Hữu T không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (tương ứng khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai năm 2024). Do đó, ông Phan Hữu T không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 mà chỉ đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 2 phần VII Chương III Chính sách số 146/CSBT-HĐBT ngày 08/5/2023 của Hội đồng bồi thường Dự án.

2/. Đối với yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án theo quy định do đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần đất trên.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí theo Sổ hợp đồng 33/HĐĐĐ-BBT do Công ty TNHH MTV T4 lập ngày 30 tháng 12 năm 2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L thể hiện phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án có diện tích 2.575,7m² thuộc một phần thửa 10, 11, tờ bản đồ số 77, BĐĐC, Bộ địa chính xã L.

Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, quy định hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N1, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định”.

Căn cứ kết luận tại mục 1 phần IV và kết quả xác minh tại mục 2 phần II Quyết định này, xác định ông Phan Hữu T không đủ điều kiện bồi thường về đất đối với phần đất diện tích 2.666,3m², không được cơ quan có thẩm quyền giao khoán đất nên không đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp

và tìm kiếm việc làm theo khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B không giải quyết yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án theo quy định do ông Phan Hữu T đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với phần đất trên là đúng

Từ các nội dung nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 948/2025/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 60, 61, 116, 157, 158, Điều 193 và 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu T về việc yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND huyện B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Phan Hữu T (nằm trong danh sách đất Nhà nước quản lý số thứ tự 8, Biểu 2A-Phụ lục, Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND thành phố H, ông Phan Văn K đã chết, hộ gia đình chưa lập thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế theo quy định, ông Phan Hữu T đại diện kê khai) để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh).

- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 8612/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Hữu T, địa chỉ: E, tổ E, ấp E, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 25/12/2025, ông Nguyễn Sơn D – đại diện người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Phan Hữu T (có ông Nguyễn Sơn D đại diện theo ủy quyền) trình bày vẫn giữ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu T vì phần đất bị thu hồi được gia đình ông T quản lý sử dụng canh tác từ năm 1985 đến nay, không tranh chấp, có kê khai đóng thuế đầy đủ. Ủy ban nhân dân xã L cũng có xác nhận nguồn gốc đất như nêu trên, nên phần đất này đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của

Điều 75 Luật đất đai 2013, điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Theo Ủy ban trình bày thì ông T được nông trường giao đất nhưng việc giao khoán không có giấy tờ chứng minh mà đất do ông T nộp thuế hàng năm, ủy ban cũng không trực tiếp quản lý sử dụng hay cho ông T thuê nên không có căn cứ cho rằng đây là đất công bị ông T lấn chiếm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là ông Đoàn Thái T3 trình bày: nguồn gốc đất do nông trường B giao khoán cho gia đình ông T, sau đó nông trường giao lại đất cho Ủy ban nhân dân xã L để giao đất cho các hộ dân không có đất sản xuất. Gia đình ông T khi đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất khác theo hạn mức nên không được giao phần đất có liên quan khiếu kiện này, phần đất này đã được Ủy ban nhân dân thành phố đưa vào danh sách đất công. Do đó, trường hợp của ông T chỉ đủ điều kiện hỗ trợ theo diện lấn chiếm đất trước ngày 15/10/1993. Đề nghị bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Sơn D – đại diện người khởi kiện làm trong hạn luật định; hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí theo Số hợp đồng 33/HĐĐĐ-BBT do Công ty TNHH MTV T4 lập ngày 30/12/2022 có xác nhận của ông Phan Hữu T đã được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận thể hiện phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án có diện tích 2,575.7m² thuộc một phần thửa 10, 11, tờ bản đồ số 77, BĐĐC (tương ứng một phần thửa 18, 19, tờ bản đồ số 12, tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã B.

Theo Báo cáo số 1605/BC-UBND ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã L cũ xác định phần đất diện tích 2.575,7m² bị ảnh hưởng trong Dự án như sau: Đăng ký qua các nền tài liệu: phần đất trên thuộc một phần thửa số 33, tờ bản đồ duy nhất Khu B, tài liệu 299/TTg, Nông trường B có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất; tương ứng thửa 19, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT- UB, ông Phan Văn

K có tên trong Sổ mục kê đất; tương ứng thửa số 10, tờ bản đồ số 77, tài liệu BĐĐC do Ủy ban nhân dân xã kê khai trong Sổ dã ngoại.

Nguồn gốc sử dụng đất của ông Phan Văn K là do nhận khoán của Nông trường B vào năm 1985 (không có giấy tờ). Ngày 30 tháng 11 năm 1991, Ủy ban nhân dân Thành phố H giao đất cho Nông trường Lê Minh X thuộc Sở Nông nghiệp Thành phố theo Quyết định số 887/QĐ- UB. Ngày 27 tháng 3 năm 1991, Nông trường Quốc Doanh L bàn giao một phần đất thuộc Nông trường Lê Minh X cho huyện B về xã L tiếp nhận quản lý tổ chức sản xuất, giải quyết đất sản xuất cho bà con nông dân và giải quyết những hộ bị trắng tay, hoặc không đủ đất để sản xuất. Phạm vi bàn giao thuộc 2 tờ bản đồ số 4 và 5, tài liệu 299/TTg và toàn bộ đất quy hoạch thổ cư Nông Trường L (bao gồm phần đất của ông K đang nhận khoán).

Theo Quyết định số 6545/QĐ-UBND ngày 26/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện B về duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã L, huyện B (cũ), nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất thuộc quy hoạch đường giao thông.

Như vậy, gia đình ông Phan Hữu T sử dụng phần đất diện tích 2.575,7m² có nguồn gốc của nông trường từ năm 1985 (không có giấy tờ) nhưng đến năm 1991 Ủy ban nhân dân Thành phố T bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện B quản lý; gia đình ông Phan Hữu T tiếp tục sử dụng nhưng không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Hiện đất thuộc quy hoạch đường giao thông. Vì vậy, trường hợp của ông T không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Về đơn giá đất bồi thường, căn cứ vào Quyết định 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì vị trí đất trồng cây hàng năm khu vực II, vị trí 3 có đơn giá 128.000 đồng/m². Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 và Quyết định số 6352/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 về hỗ trợ giá đất 329.689.600 đồng và bồi thường cây trồng 90.734.079 đồng là đúng quy định theo điểm c khoản 2 phần VII Chương III Chính sách số 146/CSBT-HĐBT ngày 08/5/2023 của Hội đồng bồi thường Dự án. Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng trường hợp của ông T được hỗ trợ 10% mức giá 2.575.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện người khởi kiện trình bày không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét.

Đối với nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 8612/QĐ- UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B: Do Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND huyện B ban hành đúng quy định pháp luật nên nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 8612/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện

ông Phan Hữu T (do ông Nguyễn Sơn D đại diện theo ủy quyền) không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Hữu T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Hữu T (do ông Nguyễn Sơn D đại diện theo ủy quyền).

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 948/2025/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Hữu T phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003468 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng